

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 110/2002/TT-BTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2002

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Chỉ thị số 13/2002/CT-TTg ngày 11/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Pháp lệnh phí và lệ phí và Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Thông tư này hướng dẫn đối với việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm được quy định tại Danh mục chi tiết phí, lệ phí (sau đây gọi tắt là Danh mục phí và lệ phí) ban hành kèm theo Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí (sau đây gọi tắt là Nghị định số 57/2002/NĐ-CP) do các tổ chức, cá nhân thực hiện trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm.

II. MỨC THU VÀ TỔ CHỨC THU

1. Mức thu phí:

Mức thu phí đối với các dịch vụ sử dụng thiết bị, cơ sở hạ tầng chứng khoán và hoạt động chứng khoán được thực hiện theo các mức cụ thể quy định trong Phụ lục số 1: Danh mục chi tiết các loại phí.

2. Mức thu lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động hành nghề trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm được thực hiện theo mức cụ thể quy định trong Phụ lục số 2: Danh mục chi tiết các loại lệ phí.

3. Tổ chức thu:

- Lệ phí trong lĩnh vực bảo hiểm do Bộ Tài chính tổ chức thu và nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Lệ phí trong lĩnh vực ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức thu và nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán do Ủy ban chứng khoán Nhà nước tổ chức thu và nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Phí trong lĩnh vực chứng khoán do Trung tâm giao dịch chứng khoán tổ chức thu và quản lý sử dụng theo quy định hiện hành.

4. Thời hạn nộp phí, lệ phí:

Phí và lệ phí trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm được thu, nộp bằng đồng Việt Nam. Các tổ chức, cá nhân khi được cấp phép hành nghề có trách nhiệm nộp toàn bộ số lệ phí 1 lần khi được cấp phép.

III. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TIỀN THU PHÍ, LỆ PHÍ

Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm được thực hiện theo quy định tại mục C, phần III Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí của Bộ Tài chính và các quy định cụ thể sau đây:

1. Lệ phí:

Toàn bộ số tiền thu về lệ phí trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm là khoản thu của ngân sách Nhà nước và được nộp 100% vào ngân sách Nhà nước. Các cơ quan có thẩm quyền thu lệ phí có trách nhiệm tổ chức thu, nộp kịp thời, đầy đủ số lệ phí thu được vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư này.

2. Phí:

Để lại 100% số phí thu được từ dịch vụ sử dụng thiết bị, cơ sở hạ tầng chứng khoán và hoạt động chứng khoán cho Trung tâm giao dịch chứng khoán để bổ sung kinh phí hoạt động.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2003. Các quy định về phí, lệ phí tại các văn bản hướng dẫn khác trái với quy định tại thông tư này đều hết hiệu lực thi hành.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có trách nhiệm bãi bỏ các loại phí và lệ phí không phù hợp với quy định Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí.

3. Ngoài những nội dung được quy định cụ thể tại Thông tư này, những vấn đề khác liên quan đến phí và lệ phí trong các lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm được thực hiện theo các quy định tại Pháp lệnh phí và lệ phí, Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ và Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính.

4. Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng thu, nộp, quản lý, sử dụng phí và lệ phí trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG**

Lê Thị Băng Tâm

**PHỤ LỤC SỐ 1
DANH MỤC CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ**

STT	Tên phí	Mức thu	Ghi chú
1	Phí thành viên giao dịch	50 triệu đồng	
2	Phí sử dụng hệ thống thiết bị	20 triệu đồng/mỗi thiết bị đầu cuối/năm	
3	Phí giao dịch:		
3.1	Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư	0,1% trị giá giao dịch	
3.2	Trái phiếu	0,075% trị giá giao dịch	
4	Phí quản lý niên yết hàng năm:		
4.1	Niên yết dưới 10 tỷ đồng	5 triệu đồng	
4.2	Niên yết từ 10 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng	10 triệu đồng	
4.3	Niên yết từ trên 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng	15 triệu đồng	
4.4	Niên yết từ 100 tỷ đồng trở lên	20 triệu đồng	
5	Phí thành viên lưu ký	20 triệu đồng	Thu 1 lần đối với thành viên là ngân hàng thương mại
6	Phí lưu ký cổ phiếu	500 đồng/lô cổ phiếu (bình quân)/ tháng	1 lô = 100 cổ phiếu
7	Phí lưu ký trái phiếu	300 đồng/ lô trái phiếu (bình quân)/ tháng	1 lô trái phiếu = 10 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng

PHỤ LỤC SỐ 2
DANH MỤC CHI TIẾT CÁC LOẠI LỆ PHÍ

STT	Tên lệ phí	Mức thu	Ghi chú
1	Lệ phí cấp, gia hạn giấy phép thành lập và hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ	70.000.000 đồng	
2	Lệ phí cấp, gia hạn giấy phép thành lập và hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ	140.000.000 đồng	
3	Lệ phí cấp, gia hạn giấy phép thành lập và hoạt động cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	4.000.000 đồng	
4	Lệ phí cấp, gia hạn giấy phép thành lập và hoạt động cho ngân hàng	140.000.000 đồng	
5	Lệ phí cấp, gia hạn giấy phép thành lập và hoạt động cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng	70.000.000 đồng	
6	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động ngân hàng cho tổ chức không phải là tổ chức tín dụng.	70.000.000 đồng	
7	Lệ phí cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện hoặc gia hạn giấy phép văn phòng đại diện của các tổ chức ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam	1.000.000 đồng	
8	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động công ty chứng khoán:		Trường hợp cấp giấy phép cho nhiều loại hình kinh doanh thì lệ phí phải nộp bằng tổng lệ phí của từng loại hình KD
8.1	Môi giới	6.000.000 đồng	
8.2	Tự doanh	24.000.000 đồng	
8.3	Quản lý danh mục đầu tư	6.000.000 đồng	
8.4	Bảo lãnh phát hành	44.000.000 đồng	
8.5	Tư vấn đầu tư chứng khoán	6.000.000 đồng	
9	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động công ty quản lý quỹ	10.000.000 đồng	

STT	Tên lệ phí	Mức thu	Ghi chú
10	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động chi nhánh công ty quản lý quỹ đầu tư nước ngoài	10.000.000 đồng	
11	Lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động quỹ đầu tư chứng khoán		
11.1	Giá trị dưới 10 tỷ đồng	10.000.000 đồng	
11.2	Giá trị từ 10 tỷ đến dưới 50 tỷ đồng	15.000.000 đồng	
11.3	Giá trị từ 50 tỷ đồng trở lên	20.000.000 đồng	
12	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động lưu ký	6.000.000 đồng	
13	Lệ phí cấp giấy phép cho cá nhân hành nghề kinh doanh dịch vụ chứng khoán và quản lý quỹ	1.000.000 đồng	